

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2105** /UBND-CT
V/v xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số
39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị

Triệu Phong, ngày **09** tháng **8** năm 2019

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

Thực hiện Công văn số 386-CV/HU ngày 06/8/2019 của Huyện ủy về tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị (sao gửi kèm), UBND huyện có ý kiến như sau:

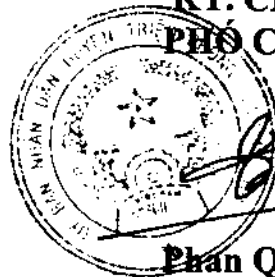
Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 138-KH/TU ngày 19/7/2019 của Tỉnh ủy.

Kết quả trình UBND huyện trước ngày **16/8/2019**./. *n*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✓
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Quang Giải

DẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ
HUYỆN ỦY TRIỆU PHONG

Số 386 -CV/HU

V/v tham mưu xây dựng kế hoạch thực
hiện Nghị quyết 39-NQ/TW ngày
15/01/2019 của Bộ Chính trị

DẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Triệu Phong, ngày 06 tháng 8 năm 2019

UBND HUYỆN TRIỆU PHONG	
C.VĂN ĐẾN	Số: 37.39 Ngày: 06 tháng 8 năm 2019 Chuyên:.....

Kính gửi: UBND huyện Triệu Phong.

Thực hiện Kế hoạch số 138-KH/TU ngày 19/7/2019 của Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (gửi kèm), Ban Thường vụ Huyện ủy có ý kiến như sau:

1- Giao UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu xây dựng dự thảo Kế hoạch của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 138-KH/TU của Tỉnh ủy; nội dung hoàn thành và gửi về Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) trước ngày 20/8/2019.

2- Trên cơ sở dự thảo chuyên đến, Văn phòng Huyện ủy thẩm định, trình Ban Thường vụ Huyện ủy cho ý kiến trước ngày 25/8/2019, để cơ sở trình Huyện ủy quyết định.

Nhận được Công văn này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP/HU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Phan Văn Linh

Số 138-KH/TU

PHONG

1130
24/7 năm 2019

KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị
về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng
và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (viết tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, toàn thể cán bộ và đảng viên quán triệt nghiêm túc, nhận thức rõ về vai trò, tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW.

2. Đánh giá đúng, đầy đủ các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực của tỉnh; làm rõ thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực; đề xuất và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kế hoạch của Tỉnh ủy để xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo động lực phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế; đảm bảo sự phát triển đồng bộ, hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng, miền, trong đó, chú trọng mục tiêu an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống; hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới; giữ vững quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với nguồn nhân lực

- *Đến năm 2025*: Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện tốt khung năng lực và vị trí việc làm, gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; từng bước khắc phục tình trạng di cư lao động gắn với cân đối cung - cầu nhân lực trong nền kinh tế; đẩy mạnh đào tạo, chuyển dịch cơ cấu lao động. Phân đầu, tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 40% trong cơ cấu lao động của tỉnh; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 40%. Từng bước phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- *Đến năm 2035*: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đào tạo lực lượng lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển các cụm ngành có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao. Phân đầu tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 30% trong cơ cấu lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ trên 55%.

- *Đến năm 2045*: Dự kiến quy mô dân số khoảng trên 01 triệu người. Phân đầu tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 15% trong cơ cấu lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85 - 90%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ từ 75 - 80%. Hình thành kinh tế tri thức, từng bước phát triển các ngành, sản phẩm chất lượng cao, sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao, áp dụng các phương thức quản lý kinh tế hiện đại.

2.2. Đối với nguồn vật lực

- *Đến năm 2025*: Hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng tài nguyên. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, như tài nguyên biển, rừng, du lịch biển gắn với du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử. Cùng cố mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường. Quy hoạch quỹ đất để phát triển hệ thống đô thị và các ngành kinh tế.

Huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, các công trình có tính chất cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và kết nối vùng, nhất là hạ tầng giao thông, cảng biển. Hoàn thành việc đầu tư xây dựng và phát triển trục kinh tế kết nối Khu kinh tế Đông - Nam với Hành lang Kinh tế Đông - Tây và Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo; Khu kinh tế Cửa khẩu La Lay; Khu du lịch biển Cửa Việt - Cửa Tùng - đảo Cồn Cỏ.

- *Đến năm 2035*: Tập trung quỹ đất để phát triển các ngành nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, phát triển hệ thống đô thị; khai thác tối đa quỹ đất sản xuất nông nghiệp; mở rộng diện tích đất đô thị; đưa vào khai thác hợp lý quỹ đất chưa sử dụng. Bảo vệ nguồn tài nguyên nước mặt và nước ngầm; kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước, đáp ứng nguyên tắc đa mục tiêu trong sử dụng nước, giảm thiểu tác động mưa lũ. Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc giám sát môi trường, các dự án công nghiệp xả thải lớn, giám sát khai thác tài nguyên nước.

Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối thuận tiện, nhanh chóng đến các vùng, miền theo trục Bắc - Nam và kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây; với các trục giao thông chiến lược như cao tốc đường bộ Bắc Nam, cao tốc đường sắt Bắc Nam qua Quảng Trị, cảng biển Mỹ Thủy, cảng hàng không sân bay Quảng Trị...

- *Đến năm 2045*: Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, phục hồi các khu khai thác khoáng sản và các hệ sinh thái đã bị phá hủy, đảm bảo cân bằng sinh thái ở mức cơ bản; thích nghi với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; trở thành một cực phát triển quan trọng của kinh tế khu vực, của hành lang kinh tế Đông - Tây với các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS), là điểm kết nối quan trọng trong ngã tư kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây.

2.3. Đối với nguồn tài lực

- *Đến năm 2025*: Ổn định tài chính, bảo đảm cân đối ngân sách tích cực; phần đầu thu ngân sách nhà nước (thu nội địa) tăng bình quân hàng năm 12%. Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- *Đến năm 2035*: Phần đầu thu ngân sách nhà nước (nội địa) tăng bình quân hàng năm 13%.

- *Đến năm 2045*: Phần đầu thu ngân sách nhà nước (nội địa) tăng bình quân hàng năm 14%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đối với nguồn nhân lực

1.1. Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức về vai trò nguồn nhân lực, thực hiện tốt chủ trương coi giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn 2021 - 2030.

1.2. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 95-CTHD/TU, ngày 23/7/2014 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả Đề án Quy

hoạch tổng thể giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung thực hiện chủ trương, chính sách phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Quảng Trị đến năm 2015 và những năm tiếp theo. Bảo đảm số lượng cơ cấu, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo dục và hạ tầng cơ sở giáo dục, chất lượng giáo dục toàn diện; tiến tới sau năm 2025 tỷ lệ trường học các cấp trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia trên 70%. Khuyến khích đầu tư xây dựng các trường mầm non, phổ thông quốc tế và trường mầm non, phổ thông tư thục chất lượng cao. Tạo điều kiện thuận lợi để các trường tư thục củng cố, nâng cao chất lượng và phát triển bền vững.

1.3. Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và sử dụng có hiệu quả “nhân tài”, tập trung thu hút “người tài từ nước ngoài”. Chú trọng quảng bá, mời gọi, kết nối, huy động nguồn lực đầu tư từ người Quảng Trị ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài. Nghiên cứu xây dựng chiến lược thu hút nhân tài của tỉnh. Quy định khung cơ chế, chính sách ưu đãi để phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các ngành có mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

1.4. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức có tính định lượng, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương, bảo đảm xuyên suốt, liên tục, đa chiều, dân chủ, khách quan sau khi có quy định của Trung ương. Thực hiện trả lương theo vị trí việc làm, gắn với kết quả hoạt động công vụ và hiệu suất làm việc.

1.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của các trường Cao đẳng, dạy nghề. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, đáp ứng yêu cầu về trình độ, kỹ năng lao động, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động. xem đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong thời gian tới.

1.6. Phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả. Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin thị trường lao động trong tỉnh, nâng cao năng lực dự báo dựa trên tín hiệu thị trường. Thực hiện tốt phân luồng học sinh ngay từ khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Đẩy mạnh chương trình hợp tác đào tạo theo đơn đặt hàng với các doanh nghiệp và theo nhu cầu xã hội. Xây dựng mạng lưới và khuyến khích phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm, tổ chức thị trường lao động thường xuyên, công khai, minh bạch; kết nối hệ thống các sàn giao dịch, giới thiệu việc làm và các điểm giao dịch việc làm trên cả nước. Tạo điều kiện để con em Quảng Trị đã xuất khẩu lao động trở về quê hương khởi nghiệp và lao động tại địa bàn tỉnh.

2. Đối với nguồn vật lực

2.1. Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng giống năng suất và chất lượng cao, quy trình kỹ thuật tiên tiến, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo bước chuyển mạnh mẽ đồn điền đổi thửa ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn; liên kết với doanh nghiệp, phát triển các vùng thâm canh, chuyên canh nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, nhất là sản xuất lúa, rau màu, đảm bảo nâng cao hiệu quả và thu nhập bền vững cho số đông người nông dân.

Tiếp tục thực hiện khai thác tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp; duy trì và phát triển diện tích cây công nghiệp dài ngày hiện có; trồng rừng theo chứng chỉ FSC; phát triển chuỗi liên kết trồng rừng với các nhà máy chế biến sâu sản phẩm gỗ, phát huy lợi thế kinh tế từ rừng và đất lâm nghiệp, nâng cao đời sống người dân sống gần rừng, góp phần quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, đến năm 2025 tăng độ che phủ rừng lên 55%.

Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 144-CTHH/TU, ngày 24/4/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường vùng bờ giai đoạn 2020 - 2025. Tổ chức thực hiện Chiến lược khai thác sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Đẩy mạnh điều tra, thăm dò đánh giá tiềm năng, trữ lượng khoáng sản, quy hoạch quản lý và khai thác khoáng sản. Siết chặt quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn, thực hiện đấu giá công khai, minh bạch. Việc thăm dò, khai thác phải gắn với chế biến sâu khoáng sản tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; tuyệt đối không xuất, bán tài nguyên thô. Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường làm tiêu chuẩn cơ bản hàng đầu để tham mưu cấp phép. Yêu cầu áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa khoáng sản.

Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá tiềm năng nước mặt và nước ngầm. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cấp nước có tính tới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Triển khai thực hiện các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước. Ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm hành vi gây ô nhiễm

nguồn nước. Điều tra và lập cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học quốc gia. Tăng cường năng lực dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu để chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại.

2.2. Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; tranh thủ tối đa nguồn vốn ngân sách Trung ương, trái phiếu Chính phủ, ODA. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 gắn với định hướng phát triển các ngành, tổ chức không gian phát triển, phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng, phương án kết nối vùng theo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương liên quan triển khai và hoàn thiện các công trình, dự án trọng điểm, có tính kết nối vùng trong giai đoạn 2020 – 2030 và các năm về sau: đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam đi qua Quảng Trị, tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; Đường tránh Quốc lộ 1 phía Đông thành phố Đông Hà và Đường Hùng Vương nối dài (giai đoạn 3); Quốc lộ 15D nối cửa khẩu La Lay với cảng Mỹ Thủy; Đường nối Quốc lộ 1 đến đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan. Quy hoạch và từng bước đầu tư xây dựng cảng hàng không sân bay Quảng Trị.

Hoàn thiện cơ chế chính sách về đầu tư hợp tác công tư (PPP), cơ chế chính sách huy động nguồn lực từ xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội, tập trung vào hạ tầng giao thông, đô thị, dịch vụ, du lịch, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ. Xây dựng quy chế và cơ chế quản lý khai thác kết cấu hạ tầng đô thị.

Chuẩn bị tốt các điều kiện về quy hoạch, hạ tầng, quỹ đất cho phát triển công nghiệp hỗ trợ. Nâng cấp, mở rộng các cảng biển hiện có; đầu tư xây dựng hoàn thiện đưa vào sử dụng cảng biển nước sâu Mỹ Thủy, hình thành các trung tâm logistics, đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư sử dụng đất, kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, thiếu tính khả thi để ưu tiên hạ tầng quỹ đất, mặt bằng sạch cho các nhà đầu tư, dự án đầu tư hiệu quả.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản gắn với thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phát sinh nợ xây dựng cơ bản, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công chậm. Hoàn thiện cơ chế, quy định về phân cấp quản lý đầu tư theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm và có chế tài mạnh đối với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong các quyết định đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm quản lý thống nhất; nâng cao

hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; làm rõ vai trò, trách nhiệm của các ngành chức năng, nhất là người đứng đầu trong xây dựng, quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết ưu tiên triển khai đối với lĩnh vực quản lý cơ sở dữ liệu đất đai, môi trường, đầu tư công, tài sản công, quản lý dự án đầu tư của doanh nghiệp.

3. Đối với nguồn tài lực

Thực hiện nghiêm túc Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương và các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

3.1. Về thu ngân sách: Đẩy mạnh công tác quản lý chặt chẽ, khai thác triệt để các nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế; không để tăng nợ thuế so với năm trước liền kề. Cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng thu nội địa. Phân đấu tự cân đối nguồn thu.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận thuế, nợ đọng thuế trên địa bàn, đôn đốc thu hồi hết nợ thuế, hạn chế nợ mới phát sinh, không để nợ thuế vượt quá mức theo quy định; giảm thiểu các tiêu cực trong công tác thu ngân sách.

3.2. Về chi ngân sách:

Tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo chặt chẽ, đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức chế độ quy định; chủ động điều hành chi ngân sách phù hợp với tiến độ thu ngân sách nhà nước. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và chống lãng phí, trong đó quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn ngân sách.

Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách nhà nước. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực tài chính khác để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng vốn vay. Cân đối nguồn lực để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết của Trung ương, đảm bảo an sinh

xã hội và nhiệm vụ an ninh - quốc phòng địa phương.

Đẩy mạnh đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình thực hiện tính giá dịch vụ sự nghiệp công. Thực hiện giảm mức hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở điều chỉnh giá dịch vụ công, sử dụng nguồn kinh phí giảm chi để tăng chi hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tham gia dịch vụ công.

Thực hiện sắp xếp, tổ chức các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước theo hướng sáp nhập một số quỹ để hoạt động phù hợp với thực tế của địa phương, giảm được đầu mối, tiết kiệm chi ngân sách, tăng quy mô vốn, hoạt động có hiệu quả.

Tiết kiệm các khoản chi ngân sách, bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn sự nghiệp chương trình nông thôn mới để đảm bảo nguồn lực thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh; trong đó tập trung cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn mới và các chính sách liên quan đến lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa xã hội, du lịch, khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực.

3.3. Kiểm soát và quản lý nợ công trong giới hạn cho phép, đẩy mạnh cơ cấu lại nợ công, kiểm soát chặt chẽ các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn; hoàn thiện chính sách quản lý nợ công phù hợp với tình hình thực tiễn. Nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công, gắn trách nhiệm phân bổ, sử dụng vốn vay với trách nhiệm giải trình, cân đối nghĩa vụ trả nợ.

3.4. Giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm đúng quy định, hiệu quả.

3.5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn liên quan. Nghiên cứu xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công; xây dựng, đưa vào vận hành hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công. Tập trung chỉ đạo sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước; có giải pháp quản lý, xử lý hiệu quả đối với đất và tài sản trên đất trụ sở cơ quan, nhà văn hóa, tổ dân phố không còn sử dụng. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế chính sách tài chính về đất đai, khai thác tài nguyên thiên nhiên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Tỉnh ủy; chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chính sách nhằm quản lý, khai thác, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế.

2. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Tỉnh ủy, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình, kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Văn phòng Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy t. ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Người ký: Nguyễn Văn Hùng
Email:
nguyenvanhung@tinhuyquangtri.
vn

Cơ quan: Tỉnh ủy Quảng Trị
Thời gian ký: 19.07.2019
15:31:29 | 07:00

Nguyễn Văn Hùng